

Bản án số: 60/2022/HSST
Ngày: 04/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vàng Thị Thu; Ông Vàng Hu Chờ**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân, kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2022/HSST, ngày 25 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST –HS, ngày 24 tháng 02 năm 2022 và thông báo mở phiên tòa số 16/TB-TA, ngày 21 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lầu A N - Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1997; sinh tại: huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Nơi thường trú: bản Huổi Cẩu, xã Nậm Vùi, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Đoàn, Đảng: không; Trình độ học vấn: không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo tin lành; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lầu A Ch - Sinh năm: 1970; Con bà: Cháng Thị S - Sinh năm: 1975; Bị cáo có vợ là Chang Thị Th - Sinh năm: 1999; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/08/2021 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

2. Lầu A C - Tên gọi khác: không; Sinh ngày 05/01/2004; sinh tại: Nậm Vùi, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Nơi thường trú: bản Huổi Cẩu, xã Nậm Vùi, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Đoàn, Đảng: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo tin lành; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lầu A Ch - Sinh năm: 1970; Con bà: Cháng Thị S - sinh năm: 1975; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/08/2021 đến ngày 16/08/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lầu A Ch; sinh năm: 1970; Trú tại bản Huổi Cẩu, xã Nậm Vùi, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt.

*Người bào chữa cho các bị cáo Lầu A N và Lầu A C là ông: Nguyễn Công Hưởng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 2021, Lầu A N nhận được điện thoại của một người giới thiệu tên là D, nhà ở bản Ngà Chồ, xã Tà Tổng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu đặt vấn đề hỏi mua thuốc phiện với N, nhưng N trả lời không có, hẹn khi nào có sẽ bán cho. Đến ngày 05/08/2021, N đem theo số tiền 5.000.000 đồng đi theo lối mòn xã Chung Chải, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên sang bên nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, với mục đích mua thuốc phiện về bán. Khi N đến khu vực bản Cát (của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, N đi vào nhà một hộ dân, khi N vào trong nhà, N gặp một người một người đàn ông, người này tự giới thiệu tên là S. Qua trao đổi mua bán thuốc phiện, N đã mua được của người đàn ông này 06 gói thuốc phiện (*05 gói được gói bằng một lớp ni lon màu trắng, 01 gói được gói một lớp ni lon màu xanh và chia thành hai lớp bọc ni lon khác nhau*) với giá 5.000.000 đồng. Mua được thuốc phiện, N cất giấu vào trong chiếc túi vải màu nâu đen, đeo sau lưng đi bộ về nhà, về đến nhà N cất giấu 06 gói thuốc phiện ở đầu giường ngủ, không cho ai biết.

Đến khoảng 16 giờ ngày 06/8/2021, người phụ nữ tên D gọi điện thoại cho N xem đã có thuốc phiện chưa, N trả lời "*có rồi*", N hỏi lại "*mua 01 chỉ bao nhiêu tiền*", D trả lời "*một chỉ 110.000 đồng*", D hỏi "*Có bao nhiêu thuốc phiện*", N trả lời "*Có 06 lạng tiểu ly*", Nghe vậy, D trả lời "*Có bao nhiêu đem sang xã Tà Tổng, D sẽ mua hết*". N nhất trí và hẹn D sáng hôm sau sẽ đem thuốc phiện sang bán cho D. Do sợ một mình đi sang xã Tà Tổng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Lai Châu, nên N gọi điện cho Lầu A C, sinh ngày 05/01/2004 (em trai của N), nhờ C chở N sang bản Tà Tổng để bán thuốc phiện. Nghe điện thoại của N, đến khoảng 20 giờ ngày 06/8/2021, C đi sang nhà của N, N bảo C chở N đi sang bên xã Tà Tổng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu để bán thuốc phiện, N hứa với C sẽ cho C mấy trăm nghìn đồng, Nói xong N đi vào trong nhà lấy túi vải chứa 06 gói thuốc phiện đem ra đưa cho C xem. Sau khi cho C xem, N lấy xe của Giàng A Ch (bố đẻ của N và C), đưa cho C điều khiển chở N ngồi sau. Đến khoảng 04 giờ ngày 07/8/2021, khi N và C đi đến bản Cao Chải, xã Tà Tổng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu thì gặp tổ công tác Công an tỉnh Lai Châu đang làm nhiệm vụ, yêu cầu dừng xe để kiểm tra, do sợ nên N đã ném chiếc túi vải có chứa 06 gói thuốc phiện xuống ven đường, nhưng đã bị tổ công tác phát hiện yêu cầu nhặt lên để kiểm tra. Qua kiểm tra đã phát hiện trong túi vải có chứa 06 gói chất nhựa dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc, theo lời khai của N đây là thuốc phiện của N đem sang bản Tà Tổng để bán.

Qua xác định khối lượng và giám định chất ma túy, đã xác định 06 gói chất nhựa dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của Lầu A Nính có tổng khối lượng là 402,1 gam. Tại bản Kết luận giám định số: 684/GĐ-KTHS, ngày 13/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận 06 mẫu chất nhựa dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của Lầu A N gửi đến giám định đều là ma túy, loại thuốc phiện.

Tại Cáo trạng số: 10/CT- VKS- MT, ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè đã truy tố các bị cáo Lầu A N và Lầu A C về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 251 BLHS.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lầu A N và Lầu A C phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38 Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm 0 khoản 1 Điều 52; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Lầu A N từ 04 năm 06 tháng tù đến 5 năm tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; điều 91; Điều 101 BLHS. Xử phạt bị cáo Lầu A C từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lầu A N và Lầu A C, vì các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có điều kiện thi hành.

Về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy gồm: 381,96 gam thuốc phiện còn lại sau giám định; 01 (một) túi vải có dây đeo bằng vải màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu itel màu đen, số Iameil: 3534471194141 máy 02 sim (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, số Iameil: 864739045745435 (đã qua sử dụng)

Về án phí hình sự sơ thẩm đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa cho các bị cáo Lầu A N và Lầu A C, trình bày luận cứ bào chữa, người bào chữa nhất trí với luận tội của kiểm sát viên. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo Lầu A N và Lầu A C quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 251 BLHS. Đối với bị cáo Lầu A C áp dụng Điều 91; Điều 101. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo Lầu A C mức thấp nhất của khung hình phạt; đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo, vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo vì bị

cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lầu A N và Lầu A C.

Tại phiên tòa các bị cáo Lầu A N và Lầu A C khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo là thống nhất, phù hợp với các lời khai tại cơ quan Điều tra; các bị cáo nhất trí luận tội và đề nghị của kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các bị cáo Lầu A N và Lầu A C nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến gì bổ sung thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và Điều tra viên, Kiểm sát viên được phân công điều tra, truy tố, trong quá trình thực hiện đã tuân thủ đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Vì mục đích tư lợi bất chính, vào khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 07/8/2021, tại khu vực bản Cao Chải, xã Tà Tổng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, tổ công tác Công an tỉnh Lai Châu đã phát hiện và bắt quả tang Lầu A N và Lầu A C đang có hành vận chuyển 402,1 gam thuốc phiện với mục đích bán kiếm lời.

Như vậy, hành vi của Lầu A N và Lầu A C đã phạm vào tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng số 10/CT - VKS - MT, ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè truy tố đối với Lầu A N và Lầu A C về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ việc mua thuốc phiện về đem bán cho người khác để kiếm lời là vi phạm pháp luật, nhưng do lợi nhuận, muốn kiếm tiền một cách nhàn hạ, nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm vào chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Về đồng phạm, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Lầu A N là người chủ động giao dịch và đi mua thuốc phiện về để bán, còn Lầu A C là người đồng phạm trong việc giúp sức chở Ninh đi bán thuốc phiện, sau khi bán xong sẽ được N trả cho tiền. Do vậy, vai trò của N là chủ yếu còn vai trò của C là thứ yếu.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân, bị cáo Lầu A N và Lầu A C có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lầu A N là anh trai của Lầu A C, biết C dưới 18 tuổi, nhưng N vẫn bảo C đưa N đi bán thuốc phiện và hứa với C sẽ trả tiền cho C, đây là tình tiết tăng nặng "*Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội*", quy định tại điểm 0 khoản 1 Điều 52 BLHS cần được áp dụng với bị cáo Lầu A N.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cần được xem xét áp dụng cho các bị cáo; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, bị cáo Lầu A C tuổi còn trẻ, khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, bị cáo Lầu A N không có trình độ học vấn, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, do vậy, hiểu biết pháp luật còn có phần hạn chế nhất định, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cần được áp dụng cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, xét thấy, bị cáo Lầu A N có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có điều kiện thi hành, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đối với bị cáo Lầu A C khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, áp dụng khoản 6 Điều 91 BLHS không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong vụ án này, theo lời khai của Lầu A N, số thuốc phiện N có được là do N mua của một người đàn ông dân tộc Mông tên là S và một người tên là D hỏi mua thuốc phiện với N, quá trình điều tra không xác định được lai lịch của những người này, nên không xử lý được đối với những người này.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lầu A Ch, việc Co và Ninh lấy chiếc xe mô tô của Lầu A Ch để làm phương tiện đi bán thuốc phiện, Ch không biết, nên không xử lý trách nhiệm của Ch là đúng quy định pháp luật.

[6] Về vật chứng: **Đối với những vật chứng thu giữ còn lại gồm: 381,96 gam thuốc phiện còn lại sau giám định; 01 (một) túi vải có dây đeo bằng vải màu xanh (đã qua sử dụng), đây là chất cấm lưu hành và công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội cần phải tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu itel màu đen, số Iameil: 3534471194141 máy 02 sim (đã qua sử dụng);**

01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, số Iameil: 864739045745435,(đã qua sử dụng), đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Xét thấy, các bị cáo Lầu A N và Lầu A C là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của người bào chữa, bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ và ý của Kiểm sát viên đối với bị cáo Lầu A N và Lầu A C là **có căn cứ cần chấp nhận. Đối với đề nghị của kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lầu A C từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù, thấy rằng bị cáo Lầu A C tuổi còn trẻ, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi, bị cáo đồng phạm với Lầu A N chỉ là giúp sức đơn giản chờ nính đi bán thuốc phiện, để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo cải tạo, sớm trở về hòa nhập với cộng đồng.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng khoản 1 Điều 251;Điều 17; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm 0 khoản 1 Điều 52; điều 58; điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí đối với Lầu A Ninh.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; điểm a, c khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; điều 91; Điều 101 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí đối với Lầu A Co.

1. Tuyên bố các bị cáo Lầu A N và Lầu A C phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo Lầu A N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 07/8/2021.

Xử phạt bị cáo Lầu A C 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành, được khấu trừ thời gian tạm giữ là 09 ngày từ ngày 07/8/2021 đến ngày 16/8/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 381,96 gam thuốc phiện còn lại sau giám định; 01 (một) túi vải có dây đeo bằng vải màu xanh (đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu itel màu đen, số Iameil: 3534471194141 máy 02 sim (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, số Iameil: 864739045745435 (đã qua sử dụng).

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường tè, tỉnh Lai Châu, theo biên bản giao nhận vật chứng số 46 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lầu A N và Lầu A C.

Án xử công khai, có mặt các bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự;
- VKSND huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đỗ Mạnh Trang